

Đầu nối ren L, tự làm kín QSMKL-1/8-4

Số bộ phận: 153429



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	Mini
Chiều rộng định mức	1.5 mm
Loại ống mềm được phép	PAN- PAN-MF- PAN-R- PAN-VO- PEN- PFAN- PLN- PTFEN PUN- PUN-CM- PUN-DUO- PUN-H- PUN-H-DUO- PUN-S- PUN-S-DUO- PUN-VO-
Độ sâu chèn ống	12.5 mm
Loại đệm kín trên ngông vận vít	Lớp bọc
Vị trí lắp đặt	bất kì
Thiết kế	Hình chữ L
Kích cỡ gói	1
Cấu trúc xây dựng	Nguyên tắc đẩy-kéo
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.095 MPA...0.6 MPA -0.95 bar...6 bar -13.775 psi...87 psi
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0.095 MPA...1.4 MPA -0.95 bar...14 bar -13.775 psi...203 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...80 °C
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	7 N m
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 20 %

Đặc tính	Giá trị
trọng lượng sản phẩm	11 g
Kiểu gắn	Ổ cắm lục giác ngoài SW10
Cổng nối khí nén 1	Ren ngoài R1/8
Cổng nối khí nén 2	đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm
Màu vòng nhả	màu xanh dương
Vật liệu ngông vận vít	Đồng thau mạ niken
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PBT
Vật liệu vòng nhả	POM
Vật liệu vòng đệm kín ống mềm	NBR
Đoạn kẹp ống vật liệu	thép không gỉ hợp kim cao